

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** P.Chờ E303**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 23/03/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	Đặng Đức	Anh	14/7/1999			
2	TA0002	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
3	TA0003	Hoàng Hà	Anh	15/2/2000			
4	TA0004	Lê Hoàng	Anh	24/7/1999			
5	TA0005	Nguyễn Phương	Anh	17/8/1999			
6	TA0006	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/10/2000			
7	TA0007	Nguyễn Thị Vân	Anh	7/3/2000			
8	TA0008	Phạm Cường	Anh	17/9/1999			
9	TA0009	Trần Đức	Anh	29/11/1999			
10	TA0010	Trần Tiến	Anh	24/2/1999			
11	TA0011	Vũ Thị Quỳnh	Anh	13/12/2022			
12	TA0012	Khổng Ngọc	Ánh	21/6/1999			
13	TA0013	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	1/4/1999			
14	TA0014	Nguyễn Thanh	Bắc	28/6/1999			
15	TA0015	Bùi Văn	Ban	15/7/1999			
16	TA0016	Đỗ Văn	Bằng	02/07/1992			
17	TA0017	Nguyễn Đức	Bảo	16/11/1999			
18	TA0018	Dương Thị Thanh	Bình	8/1/2000			
19	TA0019	Trần Thị	Bình	5/5/2000			
20	TA0020	Vũ Quang	Bình	7/11/1999			
21	TA0021	Trương Minh	Châu	13/6/1999			
22	TA0022	Lê Khánh	Chi	30/12/2000			
23	TA0023	Cao Văn	Chiến	3/8/1999			
24	TA0024	Đỗ Đức	Chính	2/6/1999			

25	TA0025	Lê Quốc	Chỉnh	21/9/1999			
26	TA0026	Khúc Duy	Chuân	14/7/1999			
27	TA0027	Nguyễn Duy	Chung	27/2/1999			
28	TA0028	Nguyễn Đình	Chương	25/11/1999			
29	TA0029	Nguyễn Kim	Cương	28/4/1999			
30	TA0030	Lê Việt	Cường	6/1/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)